

Số: 07 /2026/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 21 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập và Quy trình kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Thanh tra số 84/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 về đăng ký doanh nghiệp; số 216/2025/NĐ-CP ngày 05/8/2025 quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Luật Thanh tra; số 217/2025/NĐ-CP ngày 05/8/2025 về hoạt động kiểm tra chuyên ngành;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 194/TTr-STC ngày 12/01/2026, ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 08/BC-STP ngày 09/01/2026; trên cơ sở biểu quyết thống nhất của các Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Phiếu biểu quyết);

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập và Quy trình kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập và Quy trình kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/02/2026 và thay thế Quyết định số 18/2016/QĐ-UBND ngày 06/5/2016 của UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ;
- Cục KTVB&QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- VPTU và các Ban Tỉnh ủy;
- Các Ban HĐND Tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KT, KT₃.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Báu Hà

QUY CHẾ

phối hợp trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập và Quy trình kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

(Kèm theo Quyết định số: /2026/QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định chi tiết nội dung của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 và tại điểm b, c khoản 5 Điều 23 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ, cụ thể:

- Quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập.
- Quy trình kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- Thuế tỉnh Hà Tĩnh, Thống kê tỉnh, Công an tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 8;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã);
- Doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.
- Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh* là việc cơ quan nhà nước căn cứ vào chức năng quản lý của mình và theo quy định của pháp luật, cung cấp thông tin một cách rộng rãi.
- Cung cấp thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh* là việc cơ quan nhà nước được yêu cầu trong phạm vi chức năng quản lý của mình và theo quy định của pháp luật, gửi thông tin có nội dung, phạm vi xác định tới cơ quan yêu cầu để phục vụ công tác quản lý nhà nước.

3. *Kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh* là hoạt động xem xét, đánh giá, xử lý theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ của doanh nghiệp, hộ kinh doanh và cá nhân, tổ chức có liên quan.

4. *Trao đổi thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh* là việc hai hay nhiều cơ quan chức năng cung cấp thông tin thuộc phạm vi quản lý cho nhau một cách liên tục hoặc theo định kỳ.

5. *Giám sát doanh nghiệp, hộ kinh doanh* là việc các cơ quan chức năng theo nhiệm vụ, quyền hạn tiến hành theo dõi, quan sát mang tính chủ động thường xuyên đối với hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc phạm vi, địa bàn phụ trách nhằm đảm bảo việc tuân thủ pháp luật.

6. *Đơn vị trực thuộc* là chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp.

7. *Tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp* là tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 4. Mục tiêu

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập tại địa phương theo hướng:

a) Tăng cường sự phối hợp, trao đổi thông tin, tránh chồng chéo, trùng lặp.

b) Bảo đảm giải quyết công việc nhanh chóng, hiệu quả, đúng quy định.

c) Thúc đẩy sự phối hợp nhịp nhàng, đồng bộ giữa các cơ quan, đơn vị.

2. Phòng ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời những doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm pháp luật, ngăn chặn và hạn chế những tác động tiêu cực do doanh nghiệp, hộ kinh doanh gây ra cho xã hội.

3. Góp phần xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi, tạo điều kiện cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

4. Tạo điều kiện để doanh nghiệp, hộ kinh doanh tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật trong suốt quá trình hoạt động; đồng thời nâng cao trách nhiệm giám sát của các cơ quan chức năng đối với hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

Điều 5. Nguyên tắc phối hợp, kiểm tra

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về doanh nghiệp, đầu tư và các quy định pháp luật khác có liên quan; việc phối hợp dựa trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị theo quy định; đảm bảo không làm ảnh hưởng đến hoạt động riêng của từng cơ quan, đơn vị, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của các doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

2. Phân định rõ trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh; đảm bảo công tác phối hợp thường xuyên, liên tục, nhịp nhàng, chặt chẽ, kịp thời, hiệu quả, tuân thủ pháp luật, đúng thẩm quyền.

3. Việc trao đổi, cung cấp, công khai, cập nhật thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh của các cơ quan chức năng được thực hiện trên Hệ thống gửi nhận văn bản điện tử. Việc sử dụng thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải tuân thủ theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện kết nối chia sẻ thông tin phải bảo đảm tính cập nhật, chính xác theo quy định của pháp luật; không làm ảnh hưởng tới quyền lợi và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan; phải sử dụng đúng mục đích, tuân thủ quy định về bảo mật, an ninh, an toàn thông tin mạng.

5. Phối hợp trong kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải đảm bảo khách quan, trung thực, dân chủ, công khai; không trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung kiểm tra trong cùng thời gian giữa các cơ quan thực hiện kiểm tra; giảm thiểu đến mức tối đa sự phiền hà, cản trở hoạt động bình thường của doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

6. Không làm phát sinh thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh hoạt động bình thường.

Chương II

QUY CHẾ PHỐI HỢP GIỮA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH SAU ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP

Điều 6. Nội dung các loại thông tin được cung cấp, chia sẻ

1. Thông tin về đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh, bao gồm:

a) Thông tin đăng ký doanh nghiệp, bao gồm: Tên; mã số doanh nghiệp; địa chỉ trụ sở chính; số điện thoại liên hệ; ngành, nghề kinh doanh; thông tin về người đại diện theo pháp luật; vốn điều lệ; danh sách thành viên; người đại diện theo ủy quyền; tình trạng pháp lý; tên, mã số, địa chỉ, họ và tên người đứng đầu, tình trạng pháp lý của đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, ngành, nghề kinh doanh của chi nhánh, địa điểm kinh doanh và các thông tin đăng ký khác của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

b) Thông tin đăng ký hộ kinh doanh, bao gồm: Tên; mã số hộ kinh doanh; địa điểm kinh doanh; ngành, nghề kinh doanh; vốn kinh doanh; tên chủ hộ kinh doanh và các thông tin đăng ký khác của hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật.

2. Thông tin về tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, bao gồm: Đang hoạt động; tạm ngừng kinh doanh; không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký; bị thu hồi do cưỡng chế về quản lý thuế; đang làm thủ tục giải

thể, bị chia, bị hợp nhất, bị sáp nhập; đang làm thủ tục phá sản; đã giải thể, phá sản, chấm dứt tồn tại; bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

3. Thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, bao gồm: Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính của doanh nghiệp; doanh thu, số lao động; số lao động tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, tình trạng đóng, chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh khác của doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật.

4. Thông tin về xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi kinh doanh vi phạm pháp luật, bao gồm: Kết luận và kết quả xử lý của cơ quan có thẩm quyền đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về doanh nghiệp, về đầu tư, về quản lý thuế, đất đai, lao động, bảo hiểm xã hội và pháp luật chuyên ngành khác; việc chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của doanh nghiệp, các hình thức chế tài, Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, Quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

5. Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp.

Điều 7. Trách nhiệm, phối hợp trong cung cấp và chia sẻ thông tin

1. Trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh

a) Thông tin về đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh đăng ký địa chỉ trụ sở tại tỉnh Hà Tĩnh đã được Bộ Tài chính công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp/hộ kinh doanh để các cơ quan chức năng khai thác, tra cứu, trao đổi thông tin về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập.

Trường hợp thông tin đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp bị thiếu hoặc chưa chính xác so với Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hộ kinh doanh do quá trình chuyển đổi dữ liệu, cơ quan đăng ký kinh doanh các cấp hướng dẫn doanh nghiệp/hộ kinh doanh hoặc trực tiếp bổ sung, cập nhật thông tin theo quy định.

b) Sở Tài chính (Phòng Đăng ký kinh doanh) là đầu mối công khai thông tin đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh trên Cổng thông tin điện tử của Sở. Nội dung thông tin đăng ký doanh nghiệp công khai gồm những thông tin quy định tại Điều 6 Quy chế này.

c) UBND xã/phường (Phòng kinh tế/Phòng kinh tế, Hạ tầng và Đô thị) là đầu mối công khai thông tin đăng ký hộ kinh doanh. Nội dung thông tin đăng ký hộ kinh doanh công khai gồm những thông tin quy định tại Điều 6 Quy chế này.

2. Trao đổi, cung cấp, công khai thông tin về tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

a) Sở Tài chính là đầu mối cung cấp, công khai thông tin về tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh trên Cổng thông tin điện tử của Sở để các cơ quan chức năng tra cứu và thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập. UBND cấp xã là đầu mối cung cấp, công khai thông tin về tình trạng pháp lý của hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh trên Cổng thông tin điện tử của UBND cấp xã để các cơ quan chức năng tra cứu và thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập.

b) Định kỳ hàng quý, Sở Tài chính/UBND cấp xã đối chiếu thông tin trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp/hộ kinh doanh với thông tin do cơ quan quản lý thuế cung cấp về tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

c) Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn các cơ quan chức năng có thể yêu cầu Sở Tài chính cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; yêu cầu UBND cấp xã cung cấp thông tin đăng ký hộ kinh doanh trên địa bàn quản lý.

3. Trao đổi, cung cấp, công khai thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

a) Các cơ quan chức năng theo lĩnh vực thực hiện công khai thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật chuyên ngành và quy định tại Điều 6 Quy chế này.

b) Trao đổi thông tin về báo cáo tài chính của doanh nghiệp: Báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp được nộp đến cơ quan quản lý thuế tiếp nhận, lưu trữ theo quy định của Bộ Tài chính và Cục Thuế. Việc sử dụng, cung cấp thông tin về báo cáo tài chính của doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết, cơ quan thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh phối hợp trong việc trao đổi thông tin về báo cáo tài chính của doanh nghiệp theo quy định.

4. Chia sẻ thông tin đăng ký doanh nghiệp cho cơ quan bảo hiểm xã hội và cơ quan được giao thẩm quyền quản lý nhà nước về lao động.

Chia sẻ thông tin đăng ký doanh nghiệp cho cơ quan bảo hiểm xã hội và cơ quan được giao thẩm quyền quản lý nhà nước về lao động thực hiện theo quy định tại Điều 81 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP.

5. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc công khai thông tin về xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm pháp luật

a) Thuế tỉnh Hà Tĩnh công khai danh sách các doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh có hành vi vi phạm pháp luật về thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế và theo hướng dẫn của Cục Thuế.

b) Các cơ quan chức năng có trách nhiệm công khai doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm, bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý. Thông tin công khai gồm: tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, người đứng đầu đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp.

nghiệp, hộ kinh doanh, hành vi vi phạm pháp luật, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả, việc chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của doanh nghiệp (nếu có).

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc phối hợp xây dựng kế hoạch và phê duyệt kế hoạch kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng và phê duyệt kế hoạch kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh; đồng thời gửi về Thanh tra tỉnh để phối hợp xử lý tránh chồng chéo, trùng lặp với hoạt động thanh tra, kiểm tra.

2. Trước ngày 10 tháng 11 hàng năm, các cơ quan quy định tại điểm 1, 2, 3 Điều 2 Quy chế này gửi kế hoạch kiểm tra năm sau liền kề của cơ quan, đơn vị mình cho Thanh tra tỉnh.

3. Các cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc cơ quan quản lý nhà nước cấp Trung ương đặt tại tỉnh có trách nhiệm đối chiếu với kế hoạch kiểm tra của các cơ quan chức năng khác trên địa bàn khi xây dựng kế hoạch kiểm tra của mình để giảm thiểu trùng lặp; gửi cho Thanh tra tỉnh kế hoạch kiểm tra doanh nghiệp năm sau liền kề đã được cấp trên phê duyệt.

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc phối hợp tổ chức thực hiện công tác kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Các cơ quan chức năng có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc tiến hành kiểm tra đột xuất theo quy định của pháp luật.

2. Trong quá trình kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cơ quan chức năng phát hiện hoặc nhận thấy dấu hiệu doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm pháp luật ngoài phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm thông báo, đề nghị cơ quan có thẩm quyền phối hợp hoặc thực hiện thanh tra, kiểm tra độc lập.

3. Kế hoạch, kết luận kiểm tra đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, phải được công khai theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Nội dung phối hợp trong công tác kiểm tra, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh; xử lý doanh nghiệp vi phạm quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài.

1. Nội dung phối hợp trong kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh bao gồm: phối hợp xây dựng kế hoạch kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh; phối hợp tổ chức thực hiện công tác kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

2. Nội dung phối hợp trong thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh bao gồm: phối hợp xác định hành vi vi phạm thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

3. Nội dung phối hợp trong xử lý doanh nghiệp vi phạm quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài gồm: phối hợp xử phạt doanh nghiệp;

yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài nhưng không đáp ứng đủ điều kiện đầu tư kinh doanh theo quy định của pháp luật.

4. Nội dung phối hợp trong xử lý hộ kinh doanh vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện gồm: phối hợp xử phạt, yêu cầu hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

Điều 11. Trách nhiệm của các cơ quan trong phối hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, cấp xã có trách nhiệm thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp và văn bản hướng dẫn thi hành theo đúng thẩm quyền.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày xác định hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc trường hợp phải thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký theo quy định, cơ quan chức năng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh đối với doanh nghiệp hoặc cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã đối với hộ kinh doanh.

3. Trường hợp nhận được thông tin về doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm thuộc trường hợp phải thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, nếu cần phải xác minh thông tin, cơ quan đăng ký kinh doanh kiểm tra hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác minh. Kết quả xác minh thông tin về hành vi vi phạm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh phải được thể hiện bằng văn bản để làm căn cứ xử lý, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh. Trách nhiệm cụ thể:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp với Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh xác minh việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn quản lý.

b) Cơ quan quản lý thuế có trách nhiệm xác định doanh nghiệp nợ thuế thuộc diện phải áp dụng cưỡng chế thuế theo quy định Luật Quản lý thuế bằng biện pháp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

c) Công an tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị nghiệp vụ xác minh nội dung kê khai giả mạo trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh khi có đề nghị của cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc các tổ chức, cá nhân khác. Trả lời kết quả xác minh bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

d) Các cơ quan chức năng, chuyên môn khác có trách nhiệm xác minh hành vi kinh doanh ngành, nghề cấm kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc phạm vi quản lý ngành; xác minh, trả lời cho các tổ chức, cá nhân về bản sao văn bản, giấy tờ do cơ quan mình cấp bị giả mạo để làm cơ sở xác định nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo.

đ) Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng bị cấm thành lập, góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp và quản lý doanh nghiệp theo quy định Luật Doanh nghiệp có trách nhiệm xác minh lý lịch của người thành lập doanh nghiệp đó.

4. Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xử lý và ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trong thời hạn theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh có vi phạm bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền gửi văn bản yêu cầu thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, đồng thời gửi quyết định cho cơ quan đã có yêu cầu thu hồi.

Điều 12. Trách nhiệm của các cơ quan trong phối hợp xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài

1. Trường hợp phát hiện doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài; các cơ quan chức năng quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền quyết định xử phạt theo quy định của pháp luật chuyên ngành, đồng thời yêu cầu doanh nghiệp, hộ kinh doanh thực hiện đúng quy định về điều kiện kinh doanh.

2. Cơ quan chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành chịu trách nhiệm trước pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã về thực hiện công tác quản lý nhà nước về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài của doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo pháp luật chuyên ngành, đồng thời có trách nhiệm thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về các trường hợp sau:

a) Đình chỉ, thu hồi Giấy phép kinh doanh, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, chứng chỉ hành nghề hoặc các loại văn bản chứng nhận, chấp thuận khác đã cấp cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài.

b) Đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh ra thông báo yêu cầu doanh nghiệp, hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện do không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật bị người có thẩm quyền đình chỉ, thu hồi hoặc tước Giấy phép, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.

3. Khi nhận được thông báo của cơ quan chức năng quy định tại Khoản 2 Điều này, cơ quan đăng ký kinh doanh ra thông báo yêu cầu doanh nghiệp, hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đã bị Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo yêu cầu tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Trường hợp doanh

ng nghiệp tiếp tục kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi không đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh, Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý.

Chương III

QUY TRÌNH KIỂM TRA VỀ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Điều 13. Đối tượng, nguyên tắc, thẩm quyền

1. Đối tượng kiểm tra

- a) Doanh nghiệp và các đơn vị trực thuộc trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.
- b) Hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

2. Nguyên tắc kiểm tra

- a) Việc kiểm tra chỉ giới hạn trong phạm vi nội dung đăng ký kinh doanh (không mở rộng sang kiểm tra chuyên ngành).
- b) Thực hiện khách quan, minh bạch, đúng pháp luật, không cản trở hoạt động bình thường của doanh nghiệp, hộ kinh doanh.
- c) Không trùng lặp về nội dung, không gây phiền hà, đảm bảo nguyên tắc một thông tin chỉ kiểm tra một lần.
- d) Kết quả kiểm tra được ghi nhận bằng văn bản, lưu hồ sơ và cập nhật vào Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

3. Thẩm quyền

- a) Sở Tài chính (Phòng Đăng ký kinh doanh): Kiểm tra nội dung hồ sơ đăng ký của doanh nghiệp.
- b) UBND xã/phường (Phòng Kinh tế/Phòng kinh tế hạ tầng và Đô thị): Kiểm tra hồ sơ đăng ký của hộ kinh doanh.

Trường hợp cần thiết, cơ quan đăng ký kinh doanh các cấp phối hợp với cơ quan thuế, công an, quản lý thị trường, lao động,... để xác minh tính chính xác của thông tin.

Điều 14. Lập, phê duyệt, điều chỉnh, công khai kế hoạch kiểm tra

1. Lập kế hoạch kiểm tra

- a) Sở Tài chính (Phòng Đăng ký kinh doanh): Căn cứ các nội dung quy định tại Nghị định số 217/2025/NĐ-CP lập kế hoạch kiểm tra doanh nghiệp.
- b) UBND xã/phường (Phòng Kinh tế/Phòng kinh tế hạ tầng và Đô thị): Căn cứ các nội dung quy định tại Nghị định số 217/2025/NĐ-CP lập kế hoạch kiểm tra hộ kinh doanh.

Kế hoạch gồm các nội dung sau: mục tiêu, yêu cầu, đối tượng, nội dung, thời gian, địa điểm, phương thức kiểm tra, phân công nhiệm vụ cho các thành

viên đoàn kiểm tra và dự kiến các nguồn lực cho hoạt động kiểm tra chuyên ngành.

2. Phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch kiểm tra

a) Phê duyệt kế hoạch kiểm tra: Giám đốc Sở Tài chính phê duyệt kế hoạch kiểm tra doanh nghiệp; Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt kế hoạch kiểm tra hộ kinh doanh.

b) Điều chỉnh kế hoạch: Chỉ được điều chỉnh trong trường hợp phát sinh doanh nghiệp, hộ kinh doanh có dấu hiệu vi phạm rõ ràng cần đưa vào kiểm tra đột xuất hoặc có thay đổi lớn về tình hình quản lý (sáp nhập, giải thể, thay đổi địa giới hành chính,...).

Việc điều chỉnh kế hoạch kiểm tra phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Công khai kế hoạch kiểm tra

a) Cơ quan đăng ký kinh doanh các cấp có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho đối tượng được kiểm tra theo quy định.

b) Kế hoạch kiểm tra được công khai tối thiểu gồm các thông tin sau: Cơ quan chủ trì, đối tượng kiểm tra, nội dung kiểm tra, thời gian dự kiến kiểm tra, hình thức kiểm tra, cơ quan phối hợp.

Điều 15. Hình thức, thời hạn, tần suất kiểm tra

1. Hình thức

a) Kiểm tra trực tiếp hồ sơ tại Doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

b) Kiểm tra gián tiếp thông qua việc yêu cầu doanh nghiệp, hộ kinh doanh báo cáo theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 216 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.

2. Thời hạn kiểm tra: Theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 217/2025/NĐ-CP.

3. Tần suất kiểm tra: Số lần kiểm tra tại doanh nghiệp, hộ kinh doanh, bao gồm cả kiểm tra liên ngành không được quá 01 lần trong năm, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm rõ ràng.

Người có thẩm quyền kiểm tra chuyên ngành có trách nhiệm chỉ đạo, thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động kiểm tra chuyên ngành; tăng cường kiểm tra trực tuyến, từ xa dựa trên dữ liệu điện tử để tiết kiệm thời gian, chi phí, nguồn lực; bảo đảm hoạt động kiểm tra được thực hiện kịp thời, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước.

Điều 16. Nội dung, trình tự kiểm tra, tổ chức thực hiện kết luận kiểm tra.

1. Nội dung kiểm tra

Tập trung vào việc kiểm tra tính chính xác, hợp pháp của thông tin đã đăng ký, bao gồm: Địa điểm kinh doanh, ngành, nghề kinh doanh, Người đại diện theo pháp luật/chủ hộ kinh doanh; thành viên, vốn góp (đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, Công ty cổ phần); việc chấp hành nghĩa vụ sau đăng ký; các nghĩa vụ pháp luật liên quan (nếu có).

2. Trình tự kiểm tra

a) Bước 1. Ban hành Quyết định kiểm tra

b) Bước 2. Thông báo cho đối tượng kiểm tra (Gửi quyết định/giấy mời cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh ít nhất 05 ngày làm việc trước khi kiểm tra (trừ kiểm tra đột xuất)).

c) Bước 3. Tiến hành kiểm tra (Gồm: Công bố quyết định kiểm tra; tiến hành thu thập, xem xét, đánh giá thông tin, hồ sơ, tài liệu có liên quan).

d) Bước 4. Lập Biên bản kiểm tra, biên bản vi phạm hành chính.

Trường hợp phát hiện tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính thì lập biên bản vi phạm hành chính và thực hiện các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức thực hiện kết luận kiểm tra

a) Trách nhiệm của cơ quan ban hành kết luận kiểm tra: Gửi kết luận kiểm tra đến doanh nghiệp, hộ kinh doanh và các cơ quan liên quan theo quy định; đôn đốc, hướng dẫn việc thực hiện các nội dung trong kết luận kiểm tra; theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện; định kỳ tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền.

b) Trách nhiệm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh: Nghiêm túc thực hiện đầy đủ các yêu cầu, biện pháp khắc phục, xử lý được nêu trong kết luận kiểm tra và gửi báo cáo (kèm tài liệu chứng minh, nếu có) cho cơ quan ban hành kết luận kiểm tra.

Điều 17. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc phối hợp tổ chức thực hiện công tác kiểm tra doanh nghiệp

1. Các cơ quan chức năng có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kiểm tra doanh nghiệp theo đúng Kế hoạch kiểm tra đã được phê duyệt hoặc tiến hành kiểm tra doanh nghiệp khi có yêu cầu đột xuất.

2. Trong quá trình chuẩn bị hoặc trong quá trình kiểm tra doanh nghiệp, cơ quan chức năng phát hiện hoặc nhận thấy dấu hiệu doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật ngoài phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm thông báo, đề nghị cơ quan có thẩm quyền phối hợp hoặc thực hiện thanh tra, kiểm tra độc lập.

3. Kết quả kiểm tra doanh nghiệp phải được công khai theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Phối hợp, chia sẻ thông tin và trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan trong kiểm tra đối với hộ kinh doanh

1. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

a) Thực hiện quản lý nhà nước chuyên ngành đối với hộ kinh doanh thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật. Việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin Hộ kinh doanh được thực hiện theo quy định tại Chương II Quy chế này.

b) Phối hợp thực hiện công tác kiểm tra hộ kinh doanh theo kế hoạch kiểm tra hộ kinh doanh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc tiến hành kiểm tra, không theo kế hoạch được phê duyệt, xử lý các hành vi vi phạm theo thẩm quyền và theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

c) Các sở, ban, ngành quản lý nhà nước về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã trong trường hợp thu hồi, rút, đình chỉ giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, chứng chỉ hành nghề hoặc các loại văn bản chứng nhận, chấp thuận khác đã cấp cho hộ kinh doanh các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện hoặc đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra Thông báo yêu cầu hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện do không đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh.

2. Trường hợp Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc hộ kinh doanh kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện nhưng không đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo yêu cầu hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Trường hợp hộ kinh doanh không tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo yêu cầu, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu hộ kinh doanh báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 22 Nghị định 168/2025/NĐ-CP trong thời hạn 30 ngày.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Cập nhật hàng ngày vào Hệ thống thông tin về đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh các thông tin về cấp, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tạm ngừng hoạt động của hộ kinh doanh (nếu có phát sinh, thay đổi). Định kỳ tháng, quý, năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính, các sở, ban, ngành quản lý chuyên ngành và thông báo cho Thuế tỉnh Hà Tĩnh và Thuế cơ sở về tình hình đăng ký kinh doanh cho hộ kinh doanh hoạt động trên địa bàn.

b) Trực tiếp kiểm tra hoặc đề nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra hoạt động của hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập và xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm trong hoạt động của hộ kinh doanh.

c) Phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện công tác quản lý nhà nước chuyên ngành đối với ngành, nghề kinh doanh của hộ kinh doanh.

d) Định kỳ hàng tháng, quý, năm báo cáo Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh kết quả xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền đối với hộ kinh doanh hoạt động trên địa bàn xã, phường.

Điều 19. Theo dõi, kiểm soát hoạt động kiểm tra và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Theo dõi, kiểm soát hoạt động kiểm tra
 - a) Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Thanh tra tỉnh và các đơn vị liên quan theo dõi, kiểm soát hoạt động kiểm tra đối với doanh nghiệp.
 - b) UBND cấp xã theo dõi, kiểm soát hoạt động kiểm tra đối với hộ kinh doanh.
2. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kiểm tra
 - a) Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; UBND cấp xã và các đơn vị liên quan sử dụng hệ thống phần mềm, cơ sở dữ liệu hiện có để phục vụ quản lý hoạt động kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh; thực hiện chia sẻ, kết nối, khai thác dữ liệu giữa các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.
 - b) Cơ quan đăng ký kinh doanh các cấp ứng dụng công nghệ thông tin trong việc lập kế hoạch, theo dõi tiến độ, tổng hợp kết quả kiểm tra; thực hiện báo cáo, thống kê, lưu trữ hồ sơ kiểm tra bằng phương thức điện tử.

Chương IV

BÁO CÁO VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP SAU ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP

Điều 20. Nội dung báo cáo về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập

1. Tình hình công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập.
2. Tình hình thực hiện phối hợp giữa các cơ quan chức năng về các nội dung sau:
 - a) Trao đổi, chia sẻ, cung cấp và công khai thông tin doanh nghiệp, hộ kinh doanh;
 - b) Kiểm tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh;
 - c) Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh;
 - d) Xử lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện;
 - đ) Các nội dung khác quy định tại Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh.

Điều 21. Trách nhiệm của các cơ quan trong báo cáo về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh

1. Trên cơ sở báo cáo từ thuế, tài chính của doanh nghiệp, kết quả kiểm tra; các cơ quan chức năng có trách nhiệm báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý được phân công và tình hình thực hiện các nội dung phối hợp tại Chương II Quy chế này của năm trước liền kề, gửi Sở Tài chính chậm nhất ngày 15 tháng 01 hằng năm.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện báo cáo tình hình thực hiện quy chế này trên địa bàn cấp xã; gửi Sở Tài chính chậm nhất ngày 15 tháng 01 hằng năm.

3. Sở Tài chính là đầu mối tổng hợp tình hình thực hiện các nội dung phối hợp, quy trình kiểm tra theo các nội dung tại Quy chế này.

4. Chậm nhất ngày 15 tháng 02 hàng năm hoặc theo yêu cầu của Bộ Tài chính, Sở Tài chính dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tài chính tình hình quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập của năm trước liền kề các nội dung theo quy định.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính là đầu mối theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện Quy chế này của các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan tại địa phương trong công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập và quy trình kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã là đầu mối theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện Quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan tại địa phương trong công tác quản lý nhà nước về hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập và quy trình kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

3. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh và các đơn vị liên quan căn cứ nhiệm vụ được phân công trong Quy chế này, chủ động tổ chức phối hợp và triển khai thực hiện hiệu quả.

4. Trong quá trình thực hiện Quy chế, trường hợp có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị, địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Tài chính để được hướng dẫn, giải quyết; trường hợp vượt thẩm quyền, Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo, đề xuất UBND tỉnh hoặc cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định./.